

Bản án số: 134/2024/HN-ST

Ngày: 02-05-2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng;

2. Ông Lê Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 318/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thanh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà Phạm Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Phạm Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre ngày 24/12/2007. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống cũng hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng

quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Văn C, sinh ngày 21/06/2008 hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thanh T đối với ông Phan Văn T. Ghi nhận bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà Phạm Thanh T. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà T khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được; còn ông Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thanh T và ông Phan Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre ngày 24/12/2007 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Phạm Thanh T và ông Phan Văn T thực tế là có xảy ra và giữa hai đã có thời gian sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo cho ông T đến tham hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông T không có mặt. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thanh T đối với ông Phan Văn T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận bà T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà Phạm Thanh T và ông Phan Văn T có 01 con chung tên Phan Văn C, sinh ngày 21/06/2008 hiện đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà T là chính đáng, đồng thời từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cháu C của có nguyện vọng sống cùng với bà T. Vì vậy việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thanh T đối với ông Phan Văn T. Cụ thể tuyên:

Bà Phạm Thanh T được ly hôn với ông Phan Văn T. Ghi nhận bà Phạm Thanh T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thanh T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phan Văn C, sinh ngày 21/06/2008 (Phù hợp với nguyện vọng con chung). Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của bà T, ông T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung: Bà Phạm Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/- Về nợ chung: Bà Phạm Thanh T khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí:

Bà Phạm Thanh T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà

đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001195 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà Phạm Thanh T đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu

